

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY

Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province

Email: Yfatuf@gmail.com

Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ I NĂM 2018

Công ty CP LNS Thực phẩm Yên Bái
Mã chứng khoán : CAP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 210 / KT
v/v giải trình chênh lệch 10% LN sau thuế
so với cùng kỳ năm trước của công ty mẹ.

Yên Bái, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua đối với Công ty
Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái, mã chứng khoán CAP.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ quý 1/ 2018 có kết quả như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1/2018	:	10.337.275.502 đ
Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1/2017	:	5.745.029.487 đ
Tỷ lệ so sánh tăng	:	179,9%

Công ty CP LNS thực phẩm Yên Bái giải trình yếu tố ảnh hưởng tăng lợi nhuận
sau thuế so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Doanh thu bán hàng tăng.
- Khoản lãi vay tăng.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty chúng tôi.
Xin trân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- như trên
- lưu tại phòng KT

CÔNG TY CP LNS THỰC PHẨM YÊN BÁI

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Quốc Trinh

Công ty CP LNS Thực phẩm Yên Bái
Mã chứng khoán : CAP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: *LM / KT*
v/v giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau
thuế so với cùng kỳ năm trước tại BCTC
tổng hợp.

Yên Bái, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua đối với Công ty
Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái, mã chứng khoán CAP.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý 1/ 2018 có kết quả như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1/2018	:	10.334.683.545 đ
Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1/2017	:	6.398.477.412 đ
Tỷ lệ so sánh tăng	:	161 %

Công ty CP LNS thực phẩm Yên Bái giải trình yếu tố ảnh hưởng tăng lợi nhuận
sau thuế so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Doanh thu bán hàng tăng.
- Khoản lãi vay tăng.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty chúng tôi.
Xin trân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- như trên
- lưu tại phòng KT

CÔNG TY CP LNS THỰC PHẨM YÊN BÁI



Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 212 /CK
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Kính gửi:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: số nhà 279- đường Nguyễn Phúc - Phường Nguyễn Phúc – thành phố Yên Bái – tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại : 02163.862.278 – fax 02163. 862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Hứa Minh Hồng
6. Nội dung công bố thông tin:
 - 6.1 Báo cáo tài chính quý 1 năm 2018 của Văn phòng công ty và báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán
 - Báo cáo kết quả kinh doanh
 - Báo cáo luân chuyển tiền tệ
 - Thuyết minh báo cáo tài chính
 - 6.2 Nội dung giải trình:
 - Văn bản số 210 /KT ngày 18/04/2018 v/v giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm trước của công ty mẹ.
 - Văn bản số 211 /KT ngày 18/04/2018 v/v giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp Công ty.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nơi nhận: Như trên
Lưu tại đơn vị



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.684.769.032	91.562.318.670
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.290.810.033	11.039.159.664
1. Tiền	111		2.290.810.033	8.039.159.664
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.538.024.333	6.894.733.101
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.371.837.590	5.325.172.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.900.000	590.400.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác (138,141)	136	V.5	2.546.870.675	1.378.744.976
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(399.583.932)	(399.583.932)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	90.113.852.897	73.455.441.805
1. Hàng tồn kho	141		90.147.686.360	73.489.275.268
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(33.833.463)	(33.833.463)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.8	742.081.769	172.984.100
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		695.570.303	172.984.100
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		46.511.466	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.953.594.675	28.034.650.764
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.9	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
II. Tài sản cố định	220		27.499.821.807	28.034.650.764
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	27.329.511.323	28.034.650.764
- Nguyên giá	222		166.663.027.190	164.931.209.008
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(139.333.515.867)	(136.896.558.244)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
- Nguyên giá	225		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(...)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	170.310.484	-
- Nguyên giá	228		171.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(689.516)	(75.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	453.772.868	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		453.772.868	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	(...)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		130.638.363.707	119.596.969.434
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		54.457.611.250	53.750.900.522
I. Nợ ngắn hạn	310		54.265.761.250	53.559.050.522
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	6.274.339.498	11.954.307.144
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	6.324.386.661	775.673.356
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	5.621.682.456	1.831.801.671
4. Phải trả người lao động	314		8.820.694.645	13.511.560.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.267.552.479	1.853.476.187
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.194.708.118	1.473.062.725
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	21.372.319.273	21.373.709.927
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	190.495.046	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	199.583.074	785.459.074
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		191.850.000	191.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	190.000.000	190.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.180.752.457	65.846.068.912
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	76.180.752.457	65.846.068.912
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.362.252.276	1.362.252.276
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.894.559.510	16.559.875.965
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		16.559.875.965	1.878.786.815
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.334.683.545	14.681.089.150
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		130.638.363.707	119.596.969.434

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng



Giám đốc

Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP - ĐC Kiểm toán

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	102.052.499.335	68.142.173.979	102.052.499.335	68.142.173.979
<i>Ghi chú: Doanh thu nội bộ</i>			<i>105.961.234.098</i>	<i>77.731.449.497</i>	<i>13.189.977.969</i>	<i>11.489.399.644</i>
<i>Trong đó: Doanh thu xuất khẩu</i>			<i>20.316.061.992</i>	<i>22.504.213.418</i>	<i>20.316.061.992</i>	<i>22.504.213.418</i>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		102.052.499.335	68.142.173.979	102.052.499.335	68.142.173.979
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	83.114.007.126	57.015.633.809	83.114.007.126	57.015.633.809
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		18.938.492.209	11.126.540.170	18.938.492.209	11.126.540.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	65.575.790	248.772.965	65.575.790	248.772.965
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	705.974.539	115.330.643	705.974.539	115.330.643
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		705.185.488	81.601.710	705.185.488	81.601.710
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.b	1.895.395.266	2.077.511.132	1.895.395.266	2.077.511.132
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.a	4.392.184.807	3.341.248.885	4.392.184.807	3.341.248.885
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.010.513.387	5.841.222.475	12.010.513.387	5.841.222.475
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	1.857.000.000	0	1.857.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	22.044.826	3.361.000	22.044.826	3.361.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(22.044.826)	1.853.639.000	(22.044.826)	1.853.639.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.988.468.561	7.694.861.475	11.988.468.561	7.694.861.475
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.653.785.016	1.296.384.063	1.653.785.016	1.296.384.063
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		10.334.683.545	6.398.477.412	10.334.683.545	6.398.477.412
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.171	1.344	2.171	1.344
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng


Hà Minh Hồng

Lập, ngày 13 tháng 01 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.988.468.561	7.694.861.475
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.437.647.139	2.377.548.226
- Các khoản dự phòng	03		0	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.346.558	(20.361.307)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		34.211.137	133.442.322
- Chi phí lãi vay	06		705.185.488	81.601.710
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.166.858.883	10.267.092.426
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.639.621.619)	(1.513.320.044)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.658.411.092)	(9.104.963.503)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		771.703.152	(8.893.503.730)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(522.586.203)	(574.832.272)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(689.901.481)	(43.769.177)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-1.271.742.621	(1.936.560.229)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.857.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(585.876.000)	(1.409.434.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.429.576.981)	(11.352.290.529)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.902.818.182)	(352.895.000)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(453.772.868)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			239.743.683
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.356.591.050)	(113.151.317)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		31.779.782.058	7.659.555.141
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.781.172.712)	(7.858.648.521)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.390.654)	(199.093.380)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8.787.558.685)	(11.664.535.226)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.039.159.664	32.455.265.230
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		39.209.054	(72.572.428)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2.290.810.033	20.718.157.576

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Hứa Minh Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, dịch vụ
3. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng
5. Cấu trúc doanh nghiệp:
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả
Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/03/2018 : 22.740 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với dự án xây dựng Nhà máy sản xuất giấy để xuất khẩu Thác Bà của Nhà máy giấy Yên Bình, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm (đến hết năm 2017). Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm đầu tiên (đến hết năm 2008) và giảm 50% trong năm (05) năm tiếp theo (đến hết năm 2013).

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Đối với thu nhập chịu thuế dự án chế biến tinh dầu quế Văn Chấn và các sản phẩm từ quế trên địa bàn huyện Văn Chấn công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 50% của mức thuế phổ thông năm 2015 – 2016.

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ	Đầu năm		
Tiền mặt		577.436.945	970.110.168		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		1.713.373.088	7.069.049.496		
Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000		
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng</i>					
		2.290.810.033	11.039.159.664		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-	
Cộng	-	-	-	-	
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ	Đầu năm		
Công ty TNHH Đức Việt Anh		399.583.932	399.583.932		
Chi nhánh Công ty TNHH Đông Hòa		966.100.626	833.792.256		
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		241.885.545	237.546.540		
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		1.882.872.000	1.379.994.000		
Công ty HUEI TAI TRADING CO		286.081.934	0		
Công ty TNHH MTV nông sản Đông Hưng		440.224.991	81.695.470		
Công ty TNHH TM XNK Thuận Thành An		227.695.160	0		
Công ty Cổ phần Thiên phúc		537.692.205	0		
Công ty TNHH TM XD XNK Hưng Hiệp		-	63.045.500		
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát		225.816.411	114.810.773		
Phạm Hữu Chung		25.255.000	128.513.000		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		1.891.968.000	2.080.188.000		
Khách hàng khác		246.661.786	6.002.586		
Cộng		7.371.837.590	5.325.172.057		
4. Trả trước cho người bán		Cuối kỳ	Đầu năm		
Công ty CP thiết bị công nghiệp và XD Bình Phát		-	571.500.000		
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân tâm việt		12.100.000	12.100.000		
Công ty CP Tiến Bộ quốc tế Hải Phòng		6.800.000	6.800.000		
Cộng		18.900.000	590.400.000		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ông Phạm Quang Dương - Hỗ trợ mua xe	66.000.000		91.500.000		
Bảo Hiểm xã hội phải thu CNV	14.660.000	-	33.943.900	-	
Tiền điện thoại phải thu cá nhân			920.421		
Thuế TNCN phải thu			30.757.655		
Tạm ứng	2.441.174.000		1.221.623.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bảo hộ LĐ phải thu của CN	4.335.000		
Phải thu tiền phí hàng nhập đối t	20.701.675		
Cộng	2.546.870.675	-	1.378.744.976

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(399.583.932)		(399.583.932)
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do thu hồi được nợ			-
Số cuối kỳ	(399.583.932)		(399.583.932)

7. Hàng tồn kho:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	9.768.683.055		11.232.597.953	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.029.426.014		1.966.561.304	
Thành phẩm;	78.349.577.291		60.290.116.011	(33.833.463)
Hàng gửi bán;	-		-	
Cộng	90.147.686.360	-	73.489.275.268	(33.833.463)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP vật tư, CP Hội nghị Yên Bình	41.492.373	-
CP ủ men vỏ sắn, CP bảo quản, CP hội nghị NM sắn	388.899.660	50.640.000
Công cụ dụng cụ NM Minh Quân	-	-
Công cụ . Vật tư, CP hội nghị NMG văn chấn	20.150.000	-
CP hội nghị NM Nguyễn Phúc	-	-
Công cụ dụng cụ máy tính tại Văn phòng	123.809.500	85.540.000
CP hội nghị, CP QL tại Phú Thịnh	28.224.000	-
Công cụ vật tư, CP sửa chữa MMTB tại Yên Hợp	73.852.970	-
CP vật tư, CP Hội nghị NL Quế	19.141.800	36.804.100
Cộng	695.570.303	172.984.100

9. Phải thu dài hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	54.461.689.335	105.441.138.564	3.920.466.530	498.444.543	609.470.036	164.931.209.008
Tăng trong kỳ	-	1.914.693.962	-	-	-	1.914.693.962
- Do mua sắm mới		1.731.818.182				1.731.818.182
- Do phân loại TSCĐ		182.875.780				
- Do XDCB hoàn thành						
Giảm trong kỳ	(143.806.237)	-	-	(39.069.543)	-	(182.875.780)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán	(143.806.237)			(39.069.543)		
Số cuối kỳ	54.317.883.098	107.355.832.526	3.920.466.530	459.375.000	609.470.036	166.663.027.190
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	27.796.972.023	64.269.740.510	844.204.618	104.925.000	555.751.854	93.571.594.005
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	46.695.526.523	87.107.341.746	2.246.292.603	237.927.336	609.470.036	136.896.558.244
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	889.252.401	1.388.481.722	129.686.001	29.537.499	-	2.436.957.623
- Tăng do điều chỉnh phân loại	2	15.655.382	-	-	-	15.655.384
Giảm trong kỳ	(7.190.315)	(2)	-	(8.465.067)	-	(15.655.384)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán	(7.190.315)	(2)		(8.465.067)		
Số cuối kỳ	47.577.588.611	88.511.478.848	2.375.978.604	258.999.768	609.470.036	139.333.515.867
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.467.057.510	14.103.400.084	2.192.917.931	103.989.893	8.057.729	26.875.423.147
Số cuối kỳ	6.740.294.487	18.844.353.678	1.544.487.926	200.375.232	-	27.329.511.323

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

12. Chi phí XDCB dở dang

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/Vào CP	Số cuối kỳ
Chi phí SC MMTB, đường nội bộ Yên Bình		184.261.370	-	184.261.370
Chi phí SC xây đường nội bộ, trạm bơm Văn Chấn		103.545.136		103.545.136
Chi phí SC MMTB Minh Quân		82.786.362		82.786.362
Chi phí san lấp+ mua Ballet Yên Hợp		29.000.000		29.000.000
Chi phí SC nhà xưởng Nguyễn Phúc		-		-
Chi phí SC MMTB Sản Văn Yên		-		-
Chi phí SC lớn Quế Văn Chấn		54.180.000		54.180.000
Chi phí cải tạo		-		-
Cộng		453.772.868		453.772.868

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP bốc xếp thu mua NL Quế	-	-
CP ủ men Vi sinh NM sản	-	-
CP công cụ dụng cụ văn phòng	-	-
Cộng		

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	561.158.758	1.022.310.660
Công ty TNHH đầu tư TMSX Minh Tiến	-	-
Công ty TNHH An Hoa	284.625.000	556.875.000
Công ty cổ phần Đông Á	1.718.732.070	427.520.720
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	230.230.000	245.410.000
Công ty TNHH MTV Hà Thành	-	0
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	-	105.387.700
Công ty TNHH SXTM Đạt Phương	12.408.371	133.868.372
Công ty CP Việt Thịnh	341.880.200	398.700.000
Công ty cổ phần Thăng Huy	158.400.000	118.800.000
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	267.124.000	405.548.000
Trần Thị Nghiệp (Đại lý sản)	-	173.738.000
Trần Văn Chi (Đại lý sản)	277.300.700	2.014.381.300
Nguyễn Thị Liên (Đại lý sản)	-	-
Trần Văn Thảo (Đại lý sản)	-	674.330.300
Đặng Thiết Hùng (Đại lý sản)	1.528.841.600	2.022.694.800
Triệu Thiệu Lâm (Đại lý sản)	49.560.600	150.100.800
Đào Xuân Ước (Đại lý sản)	-	1.399.805.900
Vũ Thị Hằng (Đại lý sản)	410.793.900	377.942.500

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Phải trả các đối tượng khác	433.284.299	996.893.092
Cộng	6.274.339.498	11.954.307.144

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
DN tư nhân Liên Sơn Đức	1.663.750.000	
Công ty HUEI TAI TRADING CO		278.261.854
Công ty TNHH MTV TM& VT Quốc tế Thái Dương		184.263.000
Công ty TNHH TM XNK và XD Hưng Hiệp	4.357.337.500	63.045.500
Phải trả cho các đối tượng khác	303.299.161	250.103.002
Cộng	6.324.386.661	775.673.356

16. Thuế và các khoản phải nộp	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	535.649.790	5.684.717.302	2.267.147.212	3.953.219.880
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		34.012.500	34.012.500	
Thuế nhập khẩu				
Thuế TNDN	1.271.742.621	1.653.785.016	1.271.742.621	1.653.785.016
Thuế thu nhập cá nhân	0	111.177.752	157.689.218	-46.511.466
Thuế tài nguyên	24.409.260	43.360.740	53.092.440	14.677.560
Thuế nhà đất, tiền thuê đất				
Các loại thuế khác	0	11.000.000	11.000.000	0
Cộng	1.831.801.671	7.538.053.310	3.794.683.991	5.575.170.990

Ghi chú : Thuế TNCN nộp Quý 4/2017 là: 111.134.974 + 46.554.244 = 157.689.218 (do Quyết toán năm 2017 thừa ra: 46.554.244 đồng)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí tiền điện	439.884.684	605.106.511
Chi phí NL sản	720.543.217	450.289.883
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	836.241.808	502.389.793
Phí bảo vệ môi trường quý I năm 2018	217.800.000	240.400.000
Trích trước Phí Kiểm toán 06T cuối năm	55.000.000	55.000.000
Trích trước tiền CP ngừng sản xuất	318.733.036	-
Trích trước tiền Bảo hộ LĐ theo khoản	271.403.334	-
Chi phí khác	407.946.400	290.000
Cộng	3.267.552.479	1.853.476.187

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	168.859.324	16.785.996
Lãi thuế TNCN với tiền lãi vay phải trả	7.358.998	6.596.935
Bảo hiểm xã hội	870.643.166	316.114.840
Bảo hiểm tai nạn lao động	83.404.711	-
Tiền lãi vay cá nhân phải trả	21.356.754	15.119.965

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
 Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuế TNCN trả cho CNV	40.709.689	56.500.000
Phải trả tiền phạt vi phạm môi trường		
Tiền Cổ tức 2016		
Phải trả khác	1.002.375.476	1.061.944.989
Tiền Tiết kiệm vật tư	923.292.851	898.516.885
Tiền Phụ cấp, tiền bốc vác	79.082.625	163.428.104
Cộng	2.194.708.118	1.473.062.725

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn cá nhân	21.373.709.927	21.373.709.927	21.372.319.273	21.372.319.273
Cộng	21.373.709.927	21.373.709.927	21.372.319.273	21.372.319.273

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát	Số tiền vay đã trả	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	20.780.919.732	31.071.539.681	31.681.172.712	20.171.286.701
Vay ngắn hạn các cá nhân	592.790.195	708.242.377	100.000.000	1.201.032.572
	21.373.709.927	31.779.782.058	31.781.172.712	21.372.319.273

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí tiền lương bổ sung, nghỉ phép năm, bảo hộ lao động phải trả cho người lao động

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	175.921.117	0	175.921.117	0
Quỹ phúc lợi	609.537.957	0	409.954.883	199.583.074
	785.459.074	-	585.876.000	199.583.074

22. Phải trả người bán dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

Ghi chú:

*Đã tiến hành xóa nợ của DNTN Sinh hóa Phương toàn do hợp đồng đã quá lâu
 Đồng thời quyết toán vốn của Nhà thầu nước ngoài Hainan, kết thúc công nợ dài hạn*

23. Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Bón Sao	15.000.000	15.000.000
Phạm Hữu Chung - Tiền đặt cọc mua bã sắn tươi	150.000.000	
Cộng	190.000.000	40.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu*

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	47.600.880.000	323.060.671	410.455.470	20.216.679.626	68.551.075.767
Lợi nhuận trong kỳ				14.681.089.150	14.681.089.150
Trích lập các quỹ trong kỳ			951.796.806	(951.796.806)	(951.796.806)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi			951.796.805	(951.796.805)	-
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				(250.000.000)	(250.000.000)
Cải cổ tức năm 2016				(16.184.299.200)	(16.184.299.200)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP					-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ					-
Số dư cuối năm trước	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	16.559.875.965	65.846.068.912
Số dư đầu năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	16.559.875.965	65.846.068.912
Lợi nhuận trong kỳ				10.334.683.545	10.334.683.545
Trích lập các quỹ trong kỳ				-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				-	-
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				-	-
Chỉ cổ tức				-	-
Tăng vốn ĐL từ LN CPP				-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ				-	-
Bán cổ phiếu quỹ				-	-
Số dư cuối năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	26.894.559.510	76.180.752.457

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông		47.600.880.000	47.600.880.000
Thặng dư vốn cổ phần		323.060.671	323.060.671
		47.923.940.671	47.923.940.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân		Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		0	-
d) Cổ phiếu		Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành		4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		4.760.088	4.760.088
+ Cổ phiếu phổ thông		4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		4.760.088	4.760.088
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :		10.000	10.000
đ) Cổ tức			
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....		2.171	3.999
e) Các quỹ của doanh nghiệp:			
- Quỹ đầu tư phát triển;		1.362.252.276	410.455.470
20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		5.311.569.309	5.173.846.558
Nợ khó đòi đã xử lý		-	1.857.000.000
Ngoại tệ các loại: USD		235.410	152.167.310

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
hàng hóa	102.052.499.335	68.142.173.979
Trong đó: Doanh thu nội địa	81.736.437.343	45.637.960.561
DT xuất khẩu trực tiếp	20.316.061.992	22.504.213.418
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	17.368.416.250	16.665.663.500
Tương đương Tiền USD	765.350,00	734.450,0
- DT Sản phẩm Giấy để XK	2.947.645.742	5.838.549.918
Tương đương Tiền USD	129.860,43	257.444,00
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	-	-
Quy ra USD	-	-
Tổng cộng USD:	895.210,43	991.894,00
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	102.052.499.335	68.142.173.979

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

<i>2. Các khoản giảm trừ doanh</i>	Năm nay	Năm trước
	-	0
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã	83.114.007.126	57.015.633.809
	83.114.007.126	57.015.633.809
4. Doanh thu hoạt động tài	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.211.137	239.743.683
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	31.364.653	9.029.282
	65.575.790	248.772.965
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay;	705.185.488	33.728.933
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	789.051	81.601.710
	705.974.539	115.330.643
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác từ xử lý nợ	-	1.857.000.000
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	-
	-	1.857.000.000
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt;	22.044.826	3.361.000
- Thuế chậm nộp GTGT BS		
- Chi phí khác		
	22.044.826	3.361.000
8. Chi phí bán hàng và chi phí	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên quản lý	2.865.123.800	1.682.352.192
Chi phí vật liệu quản lý	58.737.043	72.905.365
Chi phí đồ dùng văn phòng	70.696.733	58.070.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	251.284.844	228.357.828
Thuế, phí và lệ phí	156.360.740	432.933.327
Chi phí dự phòng	29.251.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	299.959.636	86.319.235
Chi phí bằng tiền khác	660.771.011	780.310.938
Cộng	4.392.184.807	3.341.248.885
b) Các khoản chi phí bán hàng		
- Các khoản chi phí bán hàng	1.895.395.266	2.077.511.132
Cộng	1.895.395.266	2.077.511.132

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	0	1.296.384.063
- Tổng chi phí thuế thu nhập	1.653.785.016	1.296.384.063

Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng



Giám đốc

Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoặc động khác)						Loại trừ nội bộ	Đơn vị tính: VND
	Giấy để	Giấy vàng mã	Tính bột sắn	Tính dầu quế	Giấy lễ	Cộng		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.714.203.612	17.368.416.250	53.954.248.563	4.769.740.000	245.890.910	-	102.052.499.335	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	13.189.977.969	16.389.039.038	41.376.966.751	3.577.956.409	(105.961.234.098)	-	-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.141.497.543	33.757.455.288	95.331.215.314	8.347.696.409	245.890.910	(105.961.234.098)	102.052.499.335	
Chi phí bộ phận	-	21.787.955.494	16.890.969.752	46.083.978.638	4.392.792.406	-	89.155.696.289	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	3.926.248.118	477.446.498	7.870.269.925	376.947.594	-	12.650.912.136	
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	65.575.790	
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	(705.974.539)	
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(22.044.826)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(1.653.785.016)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	10.334.683.545	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

02 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Tại Văn phòng Công ty					Cộng
	(hoạt động khác)	Giấy để	Giấy vàng mã	Tình bột sản	Tình đầu quá	
Tài sản trực tiếp của bộ phận	40.418.732.424	10.809.453.355	2.620.267.586	74.619.368.416	2.170.541.926	130.638.363.707
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(25.083.748.379)	4.551.257.412	237.766.366	18.689.843.844	1.604.880.757	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	15.334.984.045	15.360.710.767	2.858.033.952	93.309.212.260	3.775.422.683	130.638.363.707
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(35.764.611.990)	10.714.978.094	2.521.472.232	74.418.366.259	2.567.406.655	54.457.611.250
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(35.764.611.990)	10.714.978.094	2.521.472.232	74.418.366.259	2.567.406.655	54.457.611.250
Số đầu năm	46.251.026.513	9.298.415.954	2.169.497.174	58.920.352.065	2.957.677.728	119.596.969.434
Tài sản trực tiếp của bộ phận	(25.435.244.699)	3.690.631.017	270.405.541	19.758.814.122	1.715.394.019	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	20.815.781.814	12.989.046.971	2.439.902.715	78.679.166.187	4.673.071.747	119.596.969.434
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(19.595.042.399)	9.298.415.954	2.169.497.174	58.920.352.065	2.957.677.728	53.750.900.522
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(19.595.042.399)	9.298.415.954	2.169.497.174	58.920.352.065	2.957.677.728	53.750.900.522

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	81.736.437.343	(36.546.115.343)
Khu vực xuất khẩu	20.316.061.992	104.688.289.322
Cộng	<u>102.052.499.335</u>	<u>68.142.173.979</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(1.902.818.182)	(352.895.000)
Cộng	<u>(1.902.818.182)</u>	<u>(352.895.000)</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Kế toán trưởng

Hứa Minh Đông



Giám đốc

Nguyễn Quốc Trình